

Số: 14518/BTC-CST

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2016

V/v chính sách thuế đối với
khoản phí hội viên hàng năm
đóng góp cho quỹ của Hiệp hội
Doanh nghiệp Nhật Bản

Kính gửi: Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Tp. Hồ Chí Minh
(P.1407, Tòa nhà Sun Wah, Số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh)

Trả lời văn bản số 07/2016JBAH ngày 23/8/2016 của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Tp. Hồ Chí Minh (JBAH) (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) kiến nghị về chính sách thuế đối với khoản phí hội viên hàng năm đóng góp cho quỹ của Hiệp hội, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi phí hội viên thường niên

- Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: *“Trừ các khoản chi quy định tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; c) Đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”*.

- Điểm 2.14 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về các khoản chi không được trừ: *“Phần chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội (các Hiệp hội này được thành lập theo quy định của pháp luật) vượt quá mức quy định của Hiệp hội.”*.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp đóng góp phí hội viên vào quỹ của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản nếu không vượt quá mức quy định của Hiệp hội và có phiếu thu có đóng dấu của Hiệp hội cho doanh nghiệp thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Về chính sách thuế thu nhập cá nhân đối với khoản chi phí hội viên thường niên

- Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định: *“Người nộp thuế thu nhập cá nhân bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định này. Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:*

a) Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập;

b) Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập.”.

- Điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP quy định thu nhập chịu thuế của cá nhân từ tiền lương, tiền công bao gồm: “Tiền nhận được từ tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hội đồng quản lý, các hiệp hội, hội nghề nghiệp, và các tổ chức khác.”.

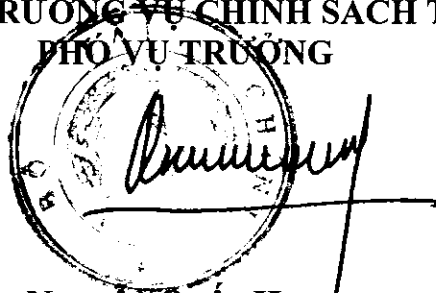
Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp cá nhân đại diện doanh nghiệp tham gia Hiệp hội nếu nhận được khoản thu nhập từ tham gia Hiệp hội thì nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo quy định.

Bộ Tài chính có ý kiến đề Hiệp hội biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các đơn vị: TCT, PC;
- Lưu: VT, CST(TN) 10b

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Hưng